

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 183/2024/LĐ-ST
Ngày: 04- 12 - 2024
V/v Tranh chấp về hợp đồng lao
động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Bà Trần Ngọc Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Hà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 187/2024/TLST-LĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXXST-LĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2024/QĐSLĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1989; nơi thường trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ liên hệ: Số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Dương Thị Bích T1, sinh năm 1999; nơi thường trú: Tổ H, ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (hợp đồng ủy quyền số 1996, quyền số 03/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12 tháng 3 năm 2024), có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH S; địa chỉ trụ sở chính: Số D, B, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ chi nhánh: Số H, đường Đ, tổ B, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1992; nơi thường trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có đơn giải quyết vắng mặt.

Bảo hiểm xã hội thành phố T, địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà T, trình bày:

Từ tháng 9/2007 đến tháng 9/2018 bà có ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH X1, bà T có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội 9107210293 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

Do không am hiểu về pháp luật nên bà T có cho bà X mượn giấy chứng minh nhân dân để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH S từ tháng 10/2009 đến tháng 4/2010 với mã số Bảo hiểm xã hội 7409097931.

Thực tế tồn tại hai mã số Bảo hiểm xã hội 9107210293 và 7409097931 cùng mang tên Nguyễn Thị Như T, chứng minh nhân dân 334525921, căn cước công dân 084189008687 vào thời điểm 9/2007 đến tháng 9/2018 bà T vừa làm việc tại Công ty TNHH X1 và trong khoảng thời gian từ tháng tháng 10/2009 đến tháng 4/2010 bà T làm việc tại Công ty TNHH S nên bà T không thực hiện được thủ tục bảo hiểm xã hội và trợ cấp thất nghiệp.

Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Nguyễn Thị Như T (do bà Nguyễn Thị X là người lao động) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH S trong khoảng thời gian từ tháng tháng 10/2009 đến tháng 4/2010 là vô hiệu toàn bộ. Bà T không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì về hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Công ty TNHH S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa tuy nhiên công ty vắng mặt không có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà X trình bày:* Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 4/2010 bà X có hỏi mượn giấy chứng minh nhân dân của bà T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà thống nhất và không có yêu cầu gì liên quan đến hợp đồng lao động trên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:* Trong quá trình tố tụng đã có công văn phúc đáp số 557/CV-BHXXH ngày 31 tháng 10 năm 2023 cho Tòa án về quá trình đóng bảo hiểm của bà T tại Công ty TNHH S (từ tháng 10/2009 đến tháng 4/2010) và Công ty TNHH X1 (từ tháng 9/2007 đến tháng 9/2018), đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội

dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 15, 16, 49 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà T khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Nguyễn Thị Như T (do bà Nguyễn Thị X là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH S trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 4 năm 2010 là vô hiệu toàn bộ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH S có địa chỉ trụ sở: Số D, B, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về nội dung: Xét thấy bà T cho bà X mượn hồ sơ để xác lập hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội (từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 4 năm 2010) tại Công ty TNHH S. Trong khoảng thời gian trên, bà T cũng giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH X1 (từ tháng 09/2007 đến tháng 09/2018) và tham gia bảo hiểm xã hội theo mã số Bảo hiểm xã hội 9107210293.

[4.1] Thực tế đối tượng lao động và ký kết hợp đồng tại Công ty TNHH S từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 4 năm 2010 là bà X chứ không phải bà T. Việc bà X mượn hồ sơ của bà T để đi làm tại Công ty TNHH S là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo khoản 1 Điều 15 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Bà X và Công ty TNHH S không tranh chấp gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 17, 19, 50, 51 và Điều 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (nay là các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019).

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T về việc Tranh chấp về hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH S.

Tuyên Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Nguyễn Thị Như T và Công ty TNHH S trong thời gian từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 4 năm 2010 là vô hiệu toàn bộ.

Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Nguyễn Thị Như T theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Như T tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002561 ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

